

ĐÁNH GIÁ HIỂU BIẾT TÀI CHÍNH CÁ NHÂN CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC HUẾ

Mai Thanh Văn¹; Nguyễn Việt Anh¹; Nguyễn Ngọc Nam¹

Ngày nhận bài: 15/02/2024

Ngày nhận bản sửa: 10/03/2024

Ngày duyệt đăng: 28/03/2024

Tóm tắt: Hiểu biết tài chính cá nhân đang được quan tâm ở mọi tầng lớp xã hội, đặc biệt đối với giới trẻ. Nâng cao hiểu biết tài chính cá nhân giúp các bạn trẻ tự tin và chủ động khi bắt đầu tự tạo ra thu nhập cho bản thân. Theo tiêu chuẩn đánh giá, hiểu biết tài chính cá nhân bao gồm nhiều kiến thức tài chính, thái độ tài chính và hành vi tài chính. Từ mẫu điều tra 200 sinh viên thuộc các khóa khác nhau của trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, nghiên cứu đã chỉ ra rằng sinh viên có điểm hiểu biết tài chính ở mức trung bình, không có sự khác biệt về hiểu biết tài chính giữa nam và nữ, sinh viên thuộc khối ngành tài chính có hiểu biết tốt hơn sinh viên không thuộc khối ngành tài chính và sinh viên đi làm thêm có hiểu biết tài chính tốt hơn sinh viên không đi làm thêm. Dựa vào kết quả nghiên cứu, bài báo đã đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiểu biết tài chính cá nhân cho sinh viên.

Từ khóa: Hiểu biết tài chính; Sinh viên; Trường Đại học kinh tế, Đại học Huế; Tài chính cá nhân.

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, hiểu biết tài chính đối với mỗi công dân nói riêng và đối với sinh viên (SV) nói chung ngày càng đóng vai trò quan trọng. Nâng cao được hiểu biết cá nhân của mỗi công dân giúp quốc gia ngày càng hùng mạnh, thịnh vượng. Đối tượng là SV, hiểu biết cá nhân càng đóng vai trò quan trọng hơn, vì đây là nguồn lao động tri thức, nguồn lực được đào tạo và sử dụng vốn kiến thức đã được học nhằm phục vụ cho công việc của mình trong tương lai. Bên cạnh hiểu biết chuyên môn, hiểu biết tài chính cá nhân sẽ giúp họ tạo ra giá trị một cách có hiệu quả hơn.

Trên thế giới, đã có nhiều nghiên cứu hiểu biết tài chính cá nhân. Nghiên cứu về tài chính cá nhân nói chung và nghiên cứu tài chính cá nhân SV nói riêng ngày càng nhiều trên thế giới cũng như tại Việt Nam. Những nghiên cứu này đưa ra nhận định hiểu biết tài chính cá nhân SV cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến hiểu biết của họ. Lursadi & Mitchell (2010) chỉ ra rằng những người trung niên có hiểu biết tài chính tốt hơn

¹ Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, email: mtvan@hce.edu.vn

người trẻ hay người già. Một số nghiên cứu khác chỉ ra sự khác biệt trong tiêu chí giới tính về việc hiểu biết tài chính cá nhân như Kharchenko & Olga (2011), Al-Tamimi & Hussain (2009), Arrondel & cộng sự (2013), Koenen & Lusardi (2011). Đây là những nghiên cứu chỉ ra rằng SV nam hiểu biết tài chính cá nhân tốt hơn SV nữ. Trong khi đó, với tiêu chí khu vực sinh sống, các nghiên cứu của Chen & Volpe (2002), Eitel & Martin (2009), Goldsmith (2006), Hira & Mugenda (2000) chỉ ra rằng có sự khác biệt về hiểu biết về tài chính cá nhân đối với tiêu chí này.

Tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu về hiểu biết tài chính cá nhân cũng đã được thực hiện. Nghiên cứu của Lê Hoàng Anh & cộng sự (2019) về hiểu biết tài chính cá nhân của SV Việt Nam nói chung đã chỉ ra rằng SV còn thiếu hiểu biết về tài chính, nữ giới hiểu biết tài chính tốt hơn nam giới, SV đi làm thêm có điểm hiểu biết tài chính thấp hơn SV không đi làm thêm. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Hải Yến (2016) cho rằng trình độ hiểu biết tài chính của SV phụ thuộc vào giới tính, nơi cư trú, lĩnh vực học tập, kinh nghiệm học tập và tỷ lệ phụ thuộc tài chính của SV vào gia đình. Nghiên cứu của Phạm Thị Hoàng Anh và cộng sự (2021) đối với SV trên địa bàn Thành phố Hà Nội cũng đưa ra một số nhận định như SV khối ngành kinh tế và tài chính có hiểu biết tốt hơn SV khối ngành khác, nữ SV có hiểu biết tốt hơn nam SV, ... Một nghiên cứu khác đo lường và đánh giá yếu tố tác động đến hiểu biết tài chính cá nhân của SV do Đinh Thị Thanh Vân và cộng sự (2016) đưa ra nhận định hiểu biết tài chính cá nhân của SV ở mức độ trung bình – kém. Đặc biệt, hai nghiên cứu của Nguyễn Thị Hoài Lê (2023, 2024) thực hiện khảo sát SV Việt Nam trên nhiều vùng lãnh thổ khác nhau cũng đã nhận định trình độ hiểu biết tài chính cá nhân của SV Việt Nam còn yếu. Nghiên cứu chia đánh giá thành ba phần Kiến thức tài chính, Thái độ tài chính và Hành vi tài chính. Với Kiến thức tài chính, hiểu biết của SV về mảng này không đồng đều. Điều này đã ảnh hưởng đến thái độ tài chính và hành vi tài chính của họ. Tuy nhiên, thái độ tài chính và hành vi tài chính của SV Việt Nam là tương đối tốt.

Trên cơ sở các nghiên cứu đã thực hiện, bằng thống kê mô tả và các kiểm định so sánh, bài nghiên cứu mong muốn chỉ ra mức độ hiểu biết tài chính cá nhân của SV trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế từ đánh giá hiểu biết chung đến đánh giá so sánh theo các tiêu chí khác nhau. Trong các tiêu chí được xem xét so với các nghiên cứu đã thực hiện, bài nghiên cứu đã bổ sung thêm nhân tố đi làm thêm, đưa ra đánh giá so sánh hiểu biết tài chính giữa nhóm SV đi làm thêm và không đi làm thêm. Từ các nhận định đánh giá hiểu biết tài chính cá nhân, nhóm tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiểu biết tài chính cá nhân của SV.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

2.1.1. Khái niệm tài chính cá nhân và hiểu biết tài chính cá nhân

Tài chính cá nhân là việc quản lý chi tiêu, sử dụng của cải tiền bạc của cá nhân cũng như các quyết định tài chính, các hoạt động liên quan đến tài chính bao gồm lập ngân sách, tiết kiệm, bảo hiểm, ...

Theo Định Thị Thanh Vân và cộng sự (2016), hiểu biết tài chính là khả năng sử dụng kiến thức và kỹ năng tài chính để quản lý nguồn lực tài chính một cách hiệu quả. Hiểu biết tài chính giúp cá nhân và hộ gia đình hoạch định ngân sách để chi tiêu, tiết kiệm, đề phòng những rủi ro và lập kế hoạch tương lai cho cuộc sống.

Có nhiều định nghĩa về hiểu biết tài chính cá nhân được các tổ chức uy tín khác nhau đưa ra. Theo Australian Unity (2014), hiểu biết tài chính cá nhân là hiểu biết của một cá nhân về khái niệm tài chính và sự lựa chọn tài chính trong bối cảnh tình hình kinh tế cá nhân của họ, kết hợp với hành vi và khả năng sử dụng kiến thức tài chính để đạt được mức độ phúc lợi tài chính mong muốn. Theo ANZ, hiểu biết tài chính cá nhân là khả năng đánh giá và đưa ra quyết định đúng đắn về việc sử dụng và quản lý tiền bạc. Bên cạnh đó cũng chính là sự kết hợp giữa kỹ năng, kiến thức, thái độ và hành vi của họ đối với tiền bạc. Ngoài ra, theo OECD (2015), hiểu biết tài chính cá nhân là sự kết hợp của nhận thức, kiến thức, kỹ năng thái độ và hành vi thiết yếu để đưa ra quyết định tài chính hiệu quả; cuối cùng đạt được mức độ hiểu biết tài chính cá nhân. Như vậy, có thể hiểu hiểu biết tài chính cá nhân là sự hiểu biết về kiến thức tài chính, thái độ, hành vi tài chính cùng các kỹ năng trong việc sử dụng tiền bạc và quản lý tài chính của cá nhân đó.

2.1.2. Tổng quan nghiên cứu về hiểu biết tài chính cá nhân

Theo Faboyede và cộng sự (2015), hiểu biết tài chính cá nhân đóng vai trò ngày càng quan trọng trong sự cân bằng, thịnh vượng của mỗi cá nhân nói riêng và sự ổn định, phát triển của nền kinh tế nói chung. Đối với các nền kinh tế mới nổi, công dân có hiểu biết về tài chính có thể đảm bảo rằng ngành tài chính có thể đóng góp hiệu quả cho tăng trưởng kinh tế thực sự và giảm nghèo.

Một số nghiên cứu đã chỉ ra hiểu biết tài chính cá nhân chưa được quan tâm tại Việt Nam. Theo Nguyễn Tiến Thành và cộng sự (2021), nghiên cứu khảo sát trên địa bàn Thành phố Hà Nội cho thấy 80% người được khảo sát không biết tài chính cá nhân là gì và họ cũng không có sự quan tâm đến các kế hoạch tài chính trong tương lai, trên

90% số người được khảo sát không nắm rõ được các khoản chi tiêu của mình trong tháng và họ cũng không có kế hoạch để phòng ngừa rủi ro cho mình.

Về hiểu biết tài chính cá nhân của SV, dựa trên khảo sát 348 SV trên địa bàn Thành phố Hà Nội, kết quả nghiên cứu của Phạm Thị Hoàng Anh và cộng sự (2021) chỉ ra có sự khác nhau về giới tính trong hiểu biết tài chính cá nhân ($p\text{-value} < 5\%$). Nghiên cứu của Lê Hoàng Anh và cộng sự (2019) trên 50 quan sát cũng cho kết quả mức độ hiểu biết của SV chỉ ở mức trung bình. Tuy nhiên, nghiên cứu này chỉ ra rằng giới tính có sự khác biệt trong hiểu biết tài chính cá nhân, nữ giới hiểu biết tài chính cá nhân tốt hơn nam giới. Ngoài ra, nghiên cứu này cũng chỉ ra sự khác biệt giữa SV đi làm thêm và chưa đi làm thêm trong hiểu biết tài chính cá nhân một cách có ý nghĩa thống kê ($p\text{-value} < 5\%$). Các nghiên cứu của Nguyễn Thị Hoài Lê (2023, 2024) sử dụng thống kê mô tả và kiểm định trên cơ sở khảo sát 4140 SV ở nhiều khu vực khác nhau đã cho thấy rằng mức độ hiểu biết kiến thức tài chính cá nhân của SV Việt Nam là yếu, không có sự chênh lệch nhiều về giới tính trong việc hiểu biết tài chính cá nhân ($p\text{-value} > 5\%$), trong khi đó yếu tố khu vực và ngành học có sự khác nhau rõ rệt tới hiểu biết tài chính cá nhân ($p\text{-value} < 5\%$). Để đánh giá một cách toàn diện hiểu biết tài chính cá nhân của SV, các nghiên cứu này đã đánh giá trên ba thành tố Kiến thức tài chính, Thái độ tài chính và Hành vi tài chính.

Từ các nghiên cứu trên, nhóm tác giả đã đề xuất đánh giá Kiến thức tài chính đóng vai trò trọng tâm, kết hợp hiểu biết về Thái độ tài chính và Hành vi tài chính của SV. Nghiên cứu sử dụng thống kê mô tả, kiểm định sự khác biệt về giới tính, tiêu chí đi làm thêm, khoa, khóa đang học cũng như đánh giá các loại Thái độ và Hành vi tài chính khác nhau của SV.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thu thập số liệu: số liệu bao gồm sơ cấp và thứ cấp:

- Số liệu thứ cấp được thu thập từ Phòng Công tác sinh viên để nắm được tình trạng làm thêm của SV.

- Số liệu sơ cấp được thu thập bằng cách điều tra khảo sát SV của trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế. Nội dung bảng hỏi gồm các câu hỏi liên quan đến hiểu biết về lạm phát, rủi ro, giá trị đồng tiền theo thời gian cũng như thái độ của sinh viên đối với rủi ro, nâng cao hiểu biết tài chính cá nhân,... (Xem chi tiết ở Phụ lục)

Kích thước mẫu: được xác định dựa vào kích thước tổng thể thông qua công thức:

$$n = \frac{N}{1 + N * e^2}$$

trong đó: N là số SV toàn trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, dao động từ 7500 đến 8500 (sau khi loại bỏ số SV buộc thôi học), e là sai số cho phép, thường dao động từ 5% đến 10%. Vì vậy, chúng tôi chọn kích thước mẫu là $n = 200$ SV.

Phương pháp chọn mẫu: Bài báo sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện bằng cách phát 70 phiếu trực tiếp tại các lớp học gửi phiếu online dưới dạng mẫu Google Form vào hệ thống MS Teams (các lớp khác nhau, khóa khác nhau và khoa khác nhau) và các nhóm lớp trên hệ thống mạng xã hội Facebook. Cụ thể như sau :

Số phiếu trực tiếp : Khảo sát : 70, Hợp lệ : 55 (78,6%)

Số phiếu online : Phiếu khảo sát thu được : 180, Hợp lệ : 145 (80,6%).

Tổng cộng : Khảo sát : 250, Hợp lệ : 200 (80%).

Phương pháp xử lý số liệu: sử dụng Excel để mô tả số liệu và phần mềm SPSS phiên bản 22 để xử lý các bài toán kiểm định so sánh.

Phương pháp phân tích số liệu: Nhằm đánh giá mức độ hiểu biết tài chính cá nhân của SV trên 3 thành tố Kiến thức tài chính, Thái độ tài chính và Hành vi tài chính, tác giả sử dụng một bộ câu hỏi kế thừa từ nghiên cứu của Nguyễn Thị Hoài Lê (2023), bao gồm 8 câu hỏi từ câu 1 đến câu 8 đánh giá kiến thức căn bản, mỗi câu có 4 phương án lựa chọn trong đó có 1 phương án đúng được tính 1 điểm; 3 câu hỏi đánh giá kiến thức nâng cao từ câu 9 đến câu 11 mỗi câu có 4 phương án lựa chọn trong đó có 1 phương án đúng được tính 1,5 điểm (xem chi tiết ở Phụ Lục).

Bài báo sử dụng thống kê mô tả để đánh giá điểm hiểu biết tài chính cá nhân của SV trường Đại học kinh tế Huế, điểm từng thành tố của hiểu biết tài chính cá nhân. Bài báo còn sử dụng kiểm định Levene, kiểm định F và Welch để kiểm định các cặp giả thuyết:

H_0 : Không có sự khác biệt về điểm hiểu biết kiến thức tài chính giữa nam và nữ (tiêu chí giới tính)/SV các khoa (tiêu chí khoa, ngành học)/SV các khóa (tiêu chí khóa học)/giữa các nhóm SV theo tình trạng đi làm thêm.

H_1 : Có sự khác biệt về điểm hiểu biết kiến thức tài chính giữa nam và nữ (tiêu chí giới tính)/SV các khoa (tiêu chí khoa, ngành học)/SV các khóa (tiêu chí khóa học)/giữa các nhóm SV theo tình trạng đi làm thêm.

Các giả thuyết này được xây dựng dựa trên kết quả nghiên cứu của Phạm Thị Hoàng Anh & cộng sự (2021) và nghiên cứu của Lê Hoàng Anh & cộng sự (2019).

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Mô tả đối tượng nghiên cứu

3.1.1. Cơ cấu sinh viên trong mẫu điều tra theo giới tính

Dữ liệu sử dụng trong bài nghiên cứu là dữ liệu sơ cấp, được khảo sát trực tuyến và trực tiếp từ SV các khóa thuộc trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, trong đó, có 70% là nữ và 30% là nam, tham gia trả lời câu hỏi. Do đặc thù của khối trường Đại học Kinh tế nói chung và trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế nói riêng, số SV nữ luôn chiếm tỷ lệ cao. Số SV nữ tham gia trả lời gấp khoảng 2,3 lần số SV nam.



Biểu đồ 1: Cơ cấu SV trong mẫu điều tra theo giới tính

Nguồn: Số liệu điều tra

3.1.2. Cơ cấu sinh viên trong mẫu điều tra theo Khoa (ngành học)

Nghiên cứu thực hiện điều tra trực tiếp và điều tra trực tuyến đối với SV các khoa trực thuộc trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, với 200 phiếu hợp lệ, trong đó số SV khoa Quản trị kinh doanh (QTKD) tham gia trả lời nhiều nhất, chiếm tỷ lệ 30%, số SV khoa Kinh tế chính trị (KTCT) chỉ chiếm 9%.

Bảng 1: Cơ cấu SV trong mẫu điều tra theo Khoa

Khoa	Tần số (N)	Tần suất (%)
QTKD	60	30

KTTC	52	26
KTPT	40	20
HTTTKT	30	15
KTCT	18	9
Tổng	200	100

Nguồn: Số liệu điều tra

3.1.3. Cơ cấu sinh viên trong mẫu điều tra theo khóa học

Để đánh giá hiểu biết tài chính cá nhân của SV khác nhau về khóa học, nghiên cứu thực hiện điều tra SV theo các khóa khác nhau từ SV năm thứ nhất (K57) đến SV năm thứ tư (K54) với cơ cấu thể hiện ở bảng 2. Tần suất trả lời câu hỏi của SV năm thứ hai đến năm thứ tư thấp hơn khoảng 10% so với SV năm thứ nhất với tần suất theo khóa học lần lượt là 23,5%, 20,5%, 22% và 34%.

Bảng 2: Cơ cấu SV trong mẫu điều tra theo khóa học

Khoá học	Tần số (N)	Tần suất (%)
K54	47	23,5
K55	41	20,5
K56	44	22
K57	68	34
Tổng	200	100

Nguồn: Số liệu điều tra

3.1.4. Cơ cấu sinh viên trong mẫu điều tra theo tình trạng đi làm thêm

Việc đi làm thêm của SV có ảnh hưởng đến điểm hiểu biết tài chính cá nhân của SV. Nghiên cứu đã thực hiện điều tra với tình trạng đi làm thêm của SV với 3 câu hỏi lựa chọn (đi làm thường xuyên hay chỉ đi làm vào các dịp lễ tết hay không đi làm thêm).

Bảng 3: Cơ cấu SV trong mẫu điều tra theo thực trạng đi làm thêm

Tình trạng	Tần số (N)	Tần suất (%)
Đi làm thêm thường xuyên	93	46,5
Đi làm vào các dịp lễ, hè	69	34,5
Không đi làm thêm	38	19
Tổng	200	100

Nguồn: Số liệu điều tra

Những SV tham gia trả lời câu hỏi hầu hết đều đi làm thêm, trong đó 46,5% đi làm thêm thường xuyên và 34,5% SV đi làm thêm vào các dịp lễ, hè, số SV không đi làm thêm chỉ chiếm 19%. SV càng năng động càng mong muốn tìm hiểu về kiến thức tài chính của mình.

3.2. Mức độ hiểu biết Kiến thức tài chính của sinh viên Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

3.2.1. Đánh giá chung

Phiếu điều tra bao gồm ba phần Kiến thức tài chính, Thái độ tài chính và Hành vi tài chính. Phần Kiến thức tài chính bao gồm 11 câu hỏi trong đó có 8 câu hỏi về kiến thức tài chính cơ bản, mỗi câu tối đa 1 điểm và 3 câu hỏi tài chính nâng cao, mỗi câu tối đa 1,5 điểm. Tổng điểm Kiến thức tài chính là tổng điểm của hai phần trên. Kết quả nghiên cứu tình trạng điểm hiểu biết Kiến thức tài chính được tổng hợp trong bảng 4.

Bảng 4 cho biết giá trị nhỏ nhất (GTNN), giá trị lớn nhất (GTLN), giá trị trung bình (GTTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC) về điểm hiểu biết tài chính cá nhân của SV. Nhìn chung, điểm hiểu biết tài chính cá nhân của SV Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế ở mức trung bình thấp. Có một số SV không trả lời đúng bất cứ câu hỏi nào trong nhóm câu hỏi Kiến thức tài chính cơ bản và cũng có một số SV không có câu trả lời đúng cho kiến thức tài chính nâng cao. Giá trị lớn nhất của điểm Kiến thức tài chính cơ bản chỉ đạt 7,0/8,0 điểm, trong khi đó có một số SV đạt tối đa 4,5/4,5 điểm kiến thức tài chính nâng cao. Điểm trung bình Kiến thức tài chính cơ bản đạt 3,21/8,0 điểm và điểm trung bình Kiến thức tài chính nâng cao là 1,97/4,5 điểm.

Bảng 4: Điểm Kiến thức tài chính của SV

Tiêu chí	GTNN	GTLN	GTTB	ĐLC
Kiến thức cơ bản	0	7	3,21	1,70
Kiến thức nâng cao	0	4,5	1,97	1,31
Điểm tổng	0	10	5,18	2,53

Nguồn: Số liệu điều tra

Tỷ lệ trả lời đúng các câu hỏi và trả lời không biết được cho trong bảng 5 :

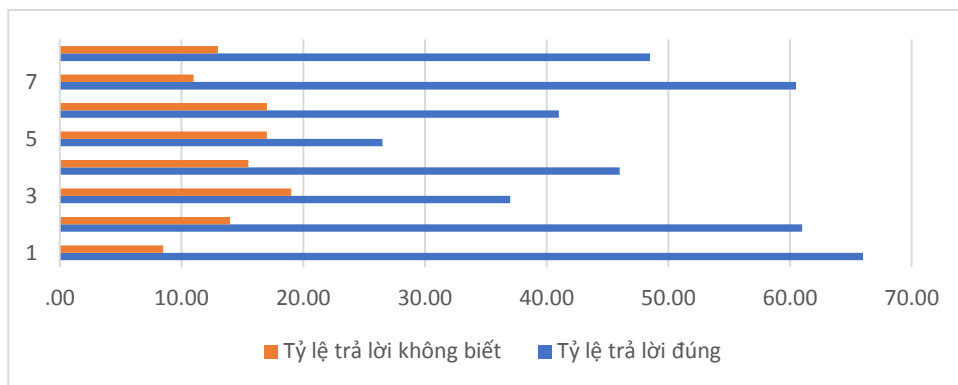
Bảng 5: Tỷ lệ trả lời đúng và trả lời không biết về Kiến thức tài chính (KTTC) của SV

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Tỷ lệ trả lời đúng (%)	66,0	61,0	37,0	46,0	26,5	41,0	60,5	48,5	73,0	45,0	13,5
Tỷ lệ trả lời không biết (%)	8,5	14	19	15,5	17	17	11	13	9,5	18	27

Nguồn: Số liệu điều tra

Điểm trung bình về Kiến thức tài chính cơ bản ở mức thấp 3,21/8,0 điểm với độ lệch chuẩn 1,7. Các câu hỏi có tỷ lệ trả lời đúng trên 50% chỉ bao gồm câu hỏi số 1 (66%), số 2 (61%) và số 7 (60,5%). Đó là các câu hỏi liên quan đến lãi kép (số 1), giá trị đồng tiền theo thời gian (số 2) và thẻ tín dụng (số 7). Một số học phần trong chương trình học của ngành kinh tế đã đề cập đến vấn đề lãi kép và giá trị đồng tiền, trong khi thẻ tín dụng đang ngày càng trở nên phổ biến trong đời sống của người dân nói chung,

SV nói riêng. Điều này lý giải cho việc SV đa số trả lời đúng các câu hỏi này. Ngược lại, các câu hỏi còn lại đều có tỷ lệ câu trả lời đúng dưới 50%. Các câu hỏi số 3, số 5 và số 6 có tỷ lệ trả lời đúng thấp nhất với tỷ lệ lần lượt là 37%, 26,5% và 41%. Những câu hỏi này đề cập đến giá trị dòng tiền theo thời gian, trái phiếu và cổ phiếu, là các câu hỏi mang tính chất thực tiễn cao. Tỷ lệ trả lời đúng các câu hỏi này thấp chứng tỏ hiểu biết thực tế về tài chính cá nhân của SV còn thấp. Một đặc điểm dễ nhận thấy là các câu hỏi có tỷ lệ trả lời đúng cao thì tỷ lệ SV trả lời không biết thấp, thể hiện qua biểu đồ sau.



Biểu đồ 2: Tỷ lệ trả lời đúng và không biết về Kiến thức tài chính cơ bản

Nguồn: Số liệu điều tra

Điểm trung bình Kiến thức tài chính nâng cao là 1,97/4,5 với độ lệch chuẩn là 1,31. Trong 3 câu hỏi của kiến thức nâng cao này, tỷ lệ SV trả lời đúng câu hỏi số 9 rất cao với 73%, thậm chí đây là tỷ lệ trả lời đúng cao nhất trong số 11 câu hỏi. Nội dung câu số 9 đề cập đến bản chất của Bảo hiểm nhân thọ, việc SV trả lời đúng khá nhiều cho câu hỏi này chứng tỏ sự quan tâm của SV đến bảo hiểm, giải pháp phòng ngừa rủi ro cho sức khỏe, tai nạn, ... ngày càng lớn. Câu hỏi số 9 cũng có tỷ lệ trả lời “không biết” khá thấp, đứng thứ hai sau câu hỏi số 1. Nội dung câu hỏi liên quan bản chất cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp và chính phủ nằm ở câu hỏi số 10, SV trả lời đúng gần 50% và tỷ lệ trả lời không biết là 18%. Câu hỏi số 11, câu cuối cùng trong nhóm Kiến thức tài chính mang tính tổng hợp các loại kiến thức như lập kế hoạch tài chính tương lai, bản chất đồng tiền, ... đã gây khó khăn cho SV. Câu hỏi này có tỷ lệ trả lời đúng thấp nhất (13,5%) và tỷ lệ trả lời không biết khá cao (27%). Nguyên nhân của việc đưa ra câu trả lời sai cho câu hỏi này bao gồm hiểu biết về kế hoạch lập tài chính chưa tốt của SV, kỹ năng giải quyết các vấn đề tài chính cụ thể chưa tốt và kỹ năng tính toán (đã được học trong các học phần liên quan đến các môn toán) vẫn còn rất yếu.

Đánh giá chung toàn bộ điểm số của 11 câu hỏi, điểm trung bình của SV là 5,18/12,5 điểm, chưa đạt đến mức trung bình, độ lệch chuẩn tương ứng là 2,53. Một số

SV không trả lời đúng câu hỏi nào và câu trả lời được điểm tối đa cho 11 câu hỏi cũng chỉ là 10/12,5. Một lần nữa, kết quả điểm kiến thức tài chính cho thấy hiểu biết tài chính cá nhân của SV trường Đại học kinh tế Huế ở mức thấp.

3.2.2. So sánh sự khác biệt Kiến thức tài chính theo giới tính

Một trong những cặp giả thuyết được đề cập trong nghiên cứu là so sánh sự khác biệt về Kiến thức tài chính của Nam và Nữ. Kết quả tổng hợp từ phần mềm SPSS 22 đối với số liệu điều tra về điểm Kiến thức tài chính theo tiêu chí giới tính được cho ở bảng 6.

Bảng 6: Điểm Kiến thức tài chính của SV theo giới tính

	Giới tính	N	GTTB	ĐLC
Tổng điểm	Nam	60	5,158	2,3712
	Nữ	140	5,186	2,6063
Kiến thức căn bản	Nam	60	3,233	1,7885
	Nữ	140	3,193	1,6617
Kiến thức nâng cao	Nam	60	1,925	1,2067
	Nữ	140	1,993	1,3518

Nguồn: Số liệu điều tra

Bảng trên cho thấy điểm Kiến thức tài chính của SV nam và SV nữ không có nhiều sự chênh lệch. Điểm trung bình cho toàn bộ các câu hỏi của nữ là 5,186/12,5 cao hơn không đáng kể so với nam là 5,158/12,5, độ chênh lệch là 0,028 điểm; độ lệch chuẩn tương ứng là 2,3712 và 2,6063. Nếu chia kiến thức tài chính chi tiết hơn, với tiêu chí giới tính, SV nam có điểm kiến thức căn bản cao hơn nữ (3,233 so với 3,193). Ngược lại, kiến thức tài chính nâng cao của SV nữ nhích hơn một chút so với SV nam; điểm trung bình kiến thức nâng cao của nữ là 1,993 và của nam tương ứng là 1,925; do đó độ chênh lệch là 0,068. Điều này còn được khẳng định dựa vào việc kiểm định so sánh điểm trung bình với cặp giả thuyết H_0 : Không có sự khác biệt về điểm Kiến thức tài chính của SV nam và nữ; H_1 : Có sự khác biệt về điểm Kiến thức tài chính của SV nam và nữ.

Theo quy trình kiểm định sự khác biệt trung bình giữa các nhóm giá trị, trước tiên, chúng tôi kiểm định xem có sự khác biệt về phương sai giữa các nhóm hay không. Kết quả kiểm định Levene bằng phần mềm SPSS được cho ở bảng 7.

Bảng 7: Kiểm định sự khác biệt phương sai điểm KTTC của SV theo giới tính

Test of Homogeneity of Variances				
	Levene Statistic	df1	df2	Sig.
Tổng điểm	0,807	1	198	0,370
KT căn bản	1,032	1	198	0,311
KT nâng cao	2,221	1	198	0,138

Nguồn: Kết quả xử lý từ phần mềm SPSS

Kết quả bảng 7 cho thấy mức ý nghĩa (Sig) của các kiểm định đều lớn hơn 0,05. Điều đó cho thấy không có sự khác biệt về phương sai các nhóm điểm giữa nam và nữ. Do đó, ta tiến hành kiểm định F để xem có sự khác biệt về điểm trung bình giữa nam và nữ hay không, tức là ta kiểm định cặp giả thuyết sau trong trường hợp phương sai bằng nhau.

H_0 : Không có sự khác biệt về điểm Kiến thức tài chính của SV nam và nữ;

H_1 : Có sự khác biệt về điểm Kiến thức tài chính của SV nam và nữ.

Kết quả kiểm định bằng phần mềm SPSS được cho ở bảng 8.

Bảng 8: Kiểm định sự khác biệt điểm trung bình Kiến thức tài chính của SV theo giới tính

	t	df	p-value	Sai khác trung bình
Tổng điểm	-0,070	198	0,944	-0,0274
KT căn bản	0,154	198	0,878	0,0405
KT nâng cao	-0,336	198	0,737	-0,0679

Nguồn: Kết quả xử lý từ phần mềm SPSS

Kết quả kiểm định đều cho thấy $p\text{-value} > 5\%$ ở tất cả các loại điểm từ tổng điểm, điểm KT căn bản hay điểm KT nâng cao, giả thuyết H_0 được chấp nhận, tức là không có sự khác biệt hiệu biết Kiến thức tài chính giữa SV nam và nữ. Bên cạnh đó, ta thấy sai khác trung bình của các loại điểm rất thấp, chưa đến 0,1. Tóm lại, điểm hiệu biết về kiến thức tài chính giữa nam và nữ không có sự sai khác đáng kể.

3.2.3. So sánh sự khác biệt Kiến thức tài chính theo Khoa, ngành học

Một tiêu chí được xét đến khi đánh giá hiệu biết tài chính cá nhân của SV là Khoa, ngành SV đang theo học. Kết quả điểm KTTC của tất cả SV các khoa thuộc trường Đại học kinh tế, Đại học Huế được thể hiện trong bảng 9.

Bảng 9: Điểm Kiến thức tài chính của SV theo Khoa

	N	GTTB	ĐLC	Khoảng tin cậy 95%	
				Cận dưới	Cận trên
QTKD	60	5,125	2,6390	4,418	5,782
KTTC	52	5,700	2,4592	5,340	6,110
KTPT	40	5,100	2,1147	4,724	5,486
HTTTKT	30	4,617	2,8728	3,844	5,389
KTCT	18	4,361	2,6723	4,032	4,990

Nguồn: Kết quả xử lý từ phần mềm SPSS

Bảng trên cho thấy điểm tổng trung bình của SV thuộc Khoa Kế toán tài chính (KTTC) cao nhất với 5,7/12,5 điểm, SV thuộc Khoa Kinh tế chính trị (KTCT) có điểm số trung bình thấp nhất chỉ với 4,361/12,5 điểm. Điểm hiểu biết kiến thức tài chính (KTTC) phản ánh đặc thù của các ngành SV theo học, những SV được đào tạo nhiều về tài chính và toán học có điểm số cao hơn nhưng SV thuộc khối ngành lý thuyết xã hội. SV các Khoa Quản trị kinh doanh (QTKD) và Kinh tế phát triển (KTPT) cũng có nhiều học phần liên quan đến Tài chính nên điểm số chỉ đứng sau SV khoa KTTC lần lượt với 5,125 và 5,1 điểm.

Quy trình kiểm định sự khác biệt về điểm trung bình giữa SV các khoa bắt đầu bằng việc kiểm định sự khác nhau về phương sai giữa các nhóm. Kết quả kiểm định sự khác biệt phương sai về điểm kiến thức tài chính của SV các khoa khác nhau được cho ở bảng 10.

Bảng 10: Kiểm định sự khác biệt phương sai điểm KTTC của SV theo khoa

Test of Homogeneity of Variances				
	Levene Statistic	df1	df2	Sig.
Tổng điểm	3,066	4	195	0,040
KT căn bản	3,058	4	195	0,042
KT nâng cao	2,915	4	195	0,046

Nguồn: Kết quả xử lý từ phần mềm SPSS

Kết quả kiểm định cho thấy có sự khác biệt phương sai giữa các nhóm điểm giữa SV các khoa, các giá trị p-value đều bé hơn 5%, tức là bác bỏ giả thuyết về sự bằng nhau về phương sai giữa các nhóm. Do đó, để kiểm định sự khác biệt điểm trung bình giữa các nhóm SV của các khoa khác nhau, chúng tôi sử dụng kiểm định Welch. Kết quả kiểm định Welch về khác biệt trung bình trong phần mềm SPSS cho ở bảng 11.

Bảng 11: Kiểm định sự khác biệt điểm Kiến thức tài chính của SV theo Khoa

Robust Tests of Equality of Means				
	Statistic ^a	df1	df2	p-value
Welch	2,882	4	72,560	0,039

Nguồn: Kết quả xử lý từ phần mềm SPSS

Cặp giả thuyết của tiêu chí Khoa, ngành học là H_0 : Không có sự khác biệt về điểm Kiến thức tài chính của SV các khoa; H_1 : Có sự khác biệt về điểm Kiến thức tài chính của SV các khoa. Với p-value là $0,039 < 5\%$ chứng tỏ sự khác biệt là rất rõ ràng, bác bỏ giả thuyết H_0 , chấp nhận đối thuyết H_1 về việc có sự khác nhau trong hiểu biết kiến thức tài chính của SV. Đặc biệt giữa SV có học ngành Tài chính và SV không học ngành Tài chính, các kiểm định Levene về sai khác phương sai và kiểm định F về sự sai khác trung bình được cho ở hai bảng 12 và 13.

Bảng 12: Kiểm định sự khác biệt phương sai điểm Kiến thức tài chính của SV theo học ngành Tài chính và không theo học ngành Tài chính

Test of Homogeneity of Variances				
	Levene Statistic	df1	df2	Sig.
Tổng điểm	1,025	1	198	0,313
KT căn bản	1,174	1	198	0,280
KT nâng cao	0,341	1	198	0,560

Bảng 13: Kiểm định sự khác biệt điểm hiểu biết tài chính trung bình của SV theo học ngành Tài chính và không học ngành Tài chính

	t	df	p-value	Sai khác trung bình
Tổng điểm	2,976	198	0,020	1,0086
KT căn bản	2,487	198	,026	1,0071
KT nâng cao	3,259	198	,007	1,0114

Nguồn: Kết quả xử lý từ phần mềm SPSS

Kết quả phân tích cho chúng ta thấy sự chênh lệch có ý nghĩa ($p\text{-value} < 5\%$) giữa SV thuộc khối ngành Tài chính và SV không thuộc khối ngành này. Việc được đào tạo chuyên sâu các kiến thức Tài chính đã hỗ trợ tốt cho SV thuộc Khối ngành này, giúp họ có điểm số chênh lệch cao so với SV thuộc nhóm còn lại. Tóm lại, với tiêu chí Khoa, ngành, ta kết luận có sự khác biệt về KTTC của các SV giữa các Khoa khác nhau.

3.2.4. So sánh sự khác biệt Kiến thức tài chính theo Khóa học

Bảng 14: Điểm Kiến thức tài chính của SV theo Khóa học

	N	GTTB	ĐLC	Khoảng tin cậy 95%	
				Cận dưới	Cận trên
K54	47	5,702	2,2976	5,028	6,377
K55	41	5,390	2,3836	4,638	6,143
K56	44	5,057	2,6242	4,259	5,855
K57	68	4,765	2,6842	4,115	5,414

Nguồn: Kết quả xử lý từ phần mềm SPSS

Điểm kiến thức tài chính của SV tăng dần theo khóa học, điểm trung bình cao nhất thuộc về các bạn K54, tức là SV năm thứ tư, các bạn đã có những kinh nghiệm nhất định trong việc xử lý tài chính cũng như được tích lũy nhiều môn học liên quan đến tài chính nên hiểu biết tốt hơn các SV năm thứ nhất (xem bảng 14). Tuy nhiên sự chênh lệch giữa SV các khóa là không quá lớn. Để chỉ ra sự sai khác đó có ý nghĩa thống kê hay không, nghiên cứu đã kiểm định cặp giả thuyết H_0 : Không có sự khác biệt giữa SV các khóa và H_1 : Có sự khác biệt giữa SV các khóa.

Bảng 15: Kiểm định sự khác biệt phương sai điểm Kiến thức tài chính của SV theo khóa học

Test of Homogeneity of Variances				
	Levene Statistic	df1	df2	Sig.
Tổng điểm	2,546	3	196	0,047
KT căn bản	2,475	3	196	0,050
KT nâng cao	2,514	3	196	0,049

Nguồn: Kết quả xử lý từ phần mềm SPSS

Kết quả kiểm định cho thấy một số giá trị Sig nhỏ hơn 5% trong khi đó có một giá trị bằng 0,05, chứng tỏ có sự khác biệt về phương sai giữa các SV các khóa khác nhau ở mức ý nghĩa 5%. Do đó chúng tôi sử dụng kiểm định Welch để kiểm định sự khác biệt điểm trung bình giữa các SV các khóa. Kết quả kiểm định Welch trong phần mềm SPSS được cho ở bảng 16.

Bảng 16: Kiểm định sự khác biệt điểm Kiến thức tài chính trung bình của SV theo khóa học

Robust Tests of Equality of Means					
		Statistic ^a	df1	df2	Sig.
Tổng điểm	Welch	1,449	3	102,913	0,233
KT căn bản	Welch	1,862	3	102,202	0,141
KT nâng cao	Welch	0,362	3	103,186	0,781

Nguồn: Kết quả xử lý từ phần mềm SPSS

Tất cả các giá trị Sig (p-value) lớn hơn 5% với các giá trị lần lượt bằng 0,233; 0,141 ; 0,781 chứng tỏ không có sự khác biệt về tất cả các loại điểm hiểu biết tài chính cá nhân giữa SV các khóa khác nhau, nghĩa là thừa nhận giả thuyết H_0 .

Tóm lại, với tiêu chí là khóa học, không có sự khác biệt lớn về điểm hiểu biết tài chính cá nhân của SV.

3.2.5. So sánh sự khác biệt Kiến thức tài chính theo Tình trạng đi làm thêm

Để đánh giá sự khác biệt trong nhận thức về tài chính cá nhân của SV đại học dựa trên việc đi làm thêm, nghiên cứu kiểm định cặp giả thuyết H_0 : Không có sự khác biệt và H_1 : Có sự khác biệt về hiểu biết kiến thức tài chính của SV đi làm thêm và không đi làm thêm. Kết quả được trình bày ở Bảng 17 và 18:

Bảng 17: Kiểm định sự khác biệt phương sai điểm Kiến thức tài chính của SV theo tình trạng làm thêm

Test of Homogeneity of Variances				
	Levene Statistic	df1	df2	Sig.
Tổng điểm	2,464	2	197	0,050
KT căn bản	2,533	2	197	0,048
KT nâng cao	2,518	2	197	0,049

Nguồn: Kết quả xử lý từ phần mềm SPSS

Bảng 18: Kiểm định sự khác biệt điểm Kiến thức tài chính SV theo Tình trạng đi làm thêm

Robust Tests of Equality of Means				
	Statistic ^a	df1	df2	p-value
Welch	2,064	2	101,548	0,038

Nguồn: Kết quả xử lý từ phần mềm SPSS

Kết quả ở bảng 18 cho thấy mức ý nghĩa p-value bằng 0.038 nhỏ hơn 0.05 nên có sự khác biệt có ý nghĩa về trung bình của hai nhóm SV đi làm thêm và không đi làm thêm. Điều này cho thấy những SV đi làm thêm có nhiều bài học kinh nghiệm từ việc đi làm thêm, họ thường tìm hiểu các thông tin về việc làm thêm nên hiểu biết tài chính có phần tốt hơn.

3.3. Đánh giá Thái độ tài chính và Hành vi tài chính của sinh viên Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế

Thái độ tài chính (TĐTC) và Hành vi tài chính (HVTC) được đánh giá dựa trên 4 câu hỏi liên quan từ câu hỏi 12 đến câu hỏi 15 bao gồm thái độ đối với tiêu dùng, thái độ đối với tiết kiệm, thái độ đối với phòng ngừa rủi ro và thái độ đối với việc cải thiện hiểu biết tài chính cá nhân. Để đánh giá TĐTC và HVTC, chúng tôi sử dụng thang đo

Likert 5 mức như sau: rất không đồng ý (1 điểm), không đồng ý (2 điểm), bình thường (3 điểm), đồng ý (4 điểm) và hoàn toàn đồng ý (5 điểm).

Bảng 19: Điểm Thái độ tài chính và Hành vi tài chính của SV

Loại thái độ	GTNN	GTLN	GTTB	ĐLC
Đối với tiêu dùng	1	5	1,95	0,86
Đối với tiết kiệm	1	5	3,90	1,25
Đối với phòng ngừa rủi ro	1	5	3,75	1,18
Đối với cải thiện hiểu biết tài chính	1	5	3,92	1,33

Nguồn: Số liệu điều tra

Dựa vào bảng ta thấy điểm trung bình của SV đối với tiêu dùng là 1,95/5 với độ lệch chuẩn là 0,86, cho thấy đa số SV không đồng ý với tiêu dùng hiện tại của bản thân. Điểm trung bình cao nhất trong mảng thái độ tài chính qua việc khảo sát thuộc về thái độ đối với việc cải thiện hiểu biết tài chính với 3,92/5, chứng tỏ SV cảm nhận hiểu biết tài chính của mình chưa thực sự tốt, đồng ý với mong muốn được cải thiện hiểu biết tài chính là khá cao. Điểm trung bình cho TĐTC về phòng ngừa rủi ro cũng như tiết kiệm đều trên 3 điểm với độ lệch chuẩn xoay quanh 1,1 và 1,2. Về cơ bản, ngoại trừ thái độ đối với tiêu dùng cá nhân được SV chọn không đồng ý thì ba thái độ còn lại SV chủ yếu khá đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý. Điều này còn được khẳng định trong bảng 20 tổng hợp về số lựa chọn chi tiết cho các loại thái độ.

Số SV chọn rất không đồng ý và không đồng ý chưa đến 30 SV đối với 3 loại thái độ tiết kiệm, phòng ngừa rủi ro và cải thiện hiểu biết tài chính cá nhân. Tóm lại, về thái độ tài chính cá nhân, SV trường Đại học kinh tế có điểm trung bình ở mức khá tốt, chứng tỏ hiểu biết tài chính cá nhân của SV trường đại học kinh tế về thái độ tài chính là rất cao.

Bảng 20: Thống kê chi tiết lựa chọn TĐTC và HVTC của SV

Câu trả lời	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Khá đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
Đối với tiêu dùng	63	98	27	10	2
Đối với tiết kiệm	21	4	29	67	79
Đối với phòng ngừa rủi ro	18	6	45	71	60
Đối với cải thiện hiểu biết tài chính	24	3	31	50	92

Nguồn: Số liệu điều tra

4. Kết luận và khuyến nghị

4.1. Kết luận

Nghiên cứu trên số liệu khảo sát điều tra đã cho thấy rằng điểm hiểu biết kiến thức tài chính cá nhân của SV trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế chỉ ở mức trung bình thấp (5,18/12,5). Kết quả này phù hợp với các kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Hoài Lê (2023) đối với SV Việt Nam tại nhiều trường Đại học trên cả nước, cũng như nghiên cứu của Lê Hoàng Anh & cộng sự (2019).

Kết quả về các tiêu chí có một số đặc điểm giống và khác so với các nghiên cứu trước đây. Về tiêu chí giới tính, không có sự chênh lệch giữa nam và nữ SV trường Đại học Kinh tế về hiểu biết tài chính cá nhân, kết quả này giống với kết luận của nghiên cứu Nguyễn Thị Hoài Lê (2023) nhưng khác với nghiên cứu của Lê Hoàng Anh & cộng sự (2019). Điều này cho thấy sự bình đẳng giới trong việc hiểu biết càng ngày càng rõ rệt hơn. Đối với tiêu chí Khoa, ngành kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng những SV càng được học nhiều về học phần tài chính hoặc các học phần liên quan thì điểm hiểu biết tài chính cao hơn. Sự khác biệt giữa SV ngành tài chính và SV không học ngành tài chính thậm chí rõ ràng hơn khi điểm hiểu biết của SV học ngành tài chính cao hơn một cách vượt trội. Tiêu chí các khóa học không có ảnh hưởng đến hiểu biết của SV, điều này cho thấy sự chênh lệch tuổi giữa các khóa chưa đủ lớn để tạo nên sự khác biệt về hiểu biết của SV. Với tiêu chí cuối cùng là tình trạng đi làm thêm, SV có đi làm thêm được tích lũy các kiến thức đã học từ bên ngoài cuộc sống kết hợp tốt với kiến thức nhà trường đã giúp sinh viên có điểm hiểu biết tài chính cá nhân tốt hơn. Về thái độ và hành vi tài chính, SV trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế có thái độ tài chính khá tốt, ngoại trừ không hài lòng với việc tiêu dùng hiện tại, đa số SV có thái độ tốt trong việc tiết kiệm, phòng ngừa rủi ro hay mong muốn cải thiện hiểu biết tài chính cá nhân của mình.

4.2. Khuyến nghị

- Đối với SV :

- ✓ Kết quả nghiên cứu đã cho thấy một cách rõ ràng rằng những SV tiếp cận nhiều các học phần liên quan đến tài chính có hiểu biết tài chính cá nhân tốt hơn. Do đó, để nâng cao hiểu biết tài chính cá nhân, SV cần hiểu và không ngừng nâng cao kiến thức tài chính của mình. Điều thuận lợi đối với SV trường đại học Kinh tế là các tài liệu về tài chính luôn có sẵn trong thư viện nhà trường; bằng nỗ lực tìm tòi, trau dồi kiến thức thông qua các tài liệu sẵn có từ thư viện cũng như các nguồn khác, SV chắc chắn sẽ cải thiện hiểu biết tài chính của mình.

✓ SV đi làm thêm có điểm hiểu biết tốt hơn chứng tỏ kiến thức học được từ thực tiễn cuộc sống cũng vô cùng quan trọng. SV trường Đại học Kinh tế vốn đặc thù rất năng động, tỷ lệ SV đi làm thêm khá cao, đây cũng là điểm thuận lợi cho các bạn SV trong việc tích lũy thêm kiến thức từ cuộc sống. Do vậy, để nâng cao điểm hiểu biết tài chính cá nhân của mình nhưng vẫn đảm bảo việc học tập – việc quan trọng nhất của SV, bản thân SV đi làm thêm luôn ý thức nâng cao kỹ năng tài chính và cách thức quản lý tài chính từ những việc nhỏ nhất trong quá trình làm thêm.

✓ Trong môi trường của trường Đại học về kinh tế, nhiều cuộc thi liên quan đến kiến thức tài chính được tổ chức như Cuộc thi Khởi nghiệp, Thị trường ảo, ... SV nên tham gia các cuộc thi này vừa tạo sự năng động cho bản thân vừa nâng cao hiểu biết tài chính cá nhân cho mình.

• Đối với Giảng viên và chương trình đào tạo: chương trình đào tạo đối với các môn chuyên ngành nên gắn liền với nhu cầu công việc thực tế. Có những lớp ngoại khóa hỗ trợ về Kiến thức tài chính cho SV. Nhiều trường Đại học trên thế giới đưa các học phần liên quan đến hiểu biết tài chính cá nhân vào giảng dạy chính thức, nhà trường nên học hỏi để có thể áp dụng giảng dạy chính khóa hoặc ngoại khóa. Bên cạnh đó, sự kết hợp thường xuyên với các doanh nghiệp tài chính, những buổi trao đổi tư vấn của các doanh nghiệp là một sự hỗ trợ sống động, tuyệt vời để SV tích lũy thêm các kiến thức tài chính cho mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Australian Unity (2014), ‘Financial Wellbeing Questionnaire design and validation’.

Chen, H. & Volpe, Ronald P. (2002), ‘Gender differences in personal financial literacy among college students’, *Financial Services Reviews* 11, pages 289-307.

Đinh Thị Thanh Vân & Nguyễn Thị Huệ (2016), ‘Đo lường và đánh giá các yếu tố tác động tới hiểu biết tài chính cá nhân của SV’, *Tạp chí Ngân hàng*, từ <https://www.sbv.gov.vn>

Lê Hoàng Anh, Đỗ Ngọc Duy, Ngô Gia Phong, Nguyễn Thị Thanh Huyền & Hoàng Minh Quang (2019), ‘Nhân tố ảnh hưởng đến mức độ hiểu biết tài chính cá nhân của SV Việt Nam’, *Kỷ yếu Hội thảo quốc gia*, trang 463-476.

Lursardi, A. & Mitchell, Olivia S. & Curto, V. (2010), ‘Financial Literacy among the Young’, *The Journal of Consumer Affairs*, Volume 44, Issue 2 pages 358-380.

Nguyễn Đăng Tuệ & Đinh Thị Thanh Vân (2018), ‘Quản lý tài chính cá nhân và khởi nghiệp’, *Nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật*, Hà Nội.

Nguyễn Thị Hoài Lê (2023), ‘Kiến thức tài chính của SV Việt Nam : Thực trạng và các vấn đề đặt ra’, *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, số 254, trang 1-11.

Nguyễn Thị Hoài Lê (2024), ‘Nâng cao hiểu biết tài chính cá nhân từ việc cải thiện thái độ tài chính và hành vi tài chính của SV Việt Nam’, *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, số 260, trang 172-184.

Nguyễn Thị Hải Yến (2016), *Evaluate Financial Literacy of Vietnamese Students in Higher Education and Its Determinants – The need of Financial Education*, từ <<http://veam.org/wp-content/uploads/2017/12/20>>

Nguyễn Tiến Thành, *Cơ sở lý luận và thực tiễn về tài chính cá nhân tại Việt Nam*, từ <<https://repository.vnu.edu.vn/bitstream>>

OECD (2015), ‘Measuring Financial Literacy: Questionnaires and Guidance Notes for Conducting an Internationally Comparable Survey of Financial Literacy’, OECD Policy Handbook.

Phạm Thị Hoàng Anh, Ngô Thu Uyên, Lê Hoàng Long, Nguyễn Anh Tú, Phạm Thị Hồng Nhung & Hà Hoàng Nam (2021), ‘Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến hiểu biết tài chính của SV trên địa bàn Thành phố Hà Nội’, *Tạp chí Khoa học & Đào tạo Ngân hàng*, số 230, trang 24-33.

EVALUATION OF PERSONAL FINANCIAL LITERACY OF STUDENTS AT HUE COLLEGE OF ECONOMICS, HUE UNIVERSITY

Mai Thanh Van, Nguyen Viet Anh, Nguyen Ngoc Nam

Abstract. Personal financial literacy is of interest in all walks of life, especially for young people. Improving personal financial literacy helps young people be confident and proactive when starting to create their own income. According to the evaluation standards, personal financial literacy includes a variety of financial knowledge, financial attitudes and financial behaviors. Based on a survey of 200 students from different majors at the University of Economics, Hue University, the study demonstrated that students have average financial literacy scores. Additionally, there is no difference in financial literacy between male and female students. However, students in the finance major have better understanding than students in other majors and students who work part-time have better financial literacy than students who do not work part-time. Based

on the study outcomes, the paper provides a number of recommendations to improve the personal financial literacy for students.

Keywords: Financial literacy; Students; University of Economics, Hue University; Individual finance.

PHỤ LỤC

Hệ thống câu hỏi khảo sát (tham khảo từ Nguyễn Thị Hoài Lê, 2023) :

Câu hỏi 1 : Nếu hôm nay bạn gửi 100 triệu đồng vào ngân hàng và một năm sau bạn nhận về số tiền là 112 triệu đồng thì mức lãi suất bạn được hưởng khi gửi tiền vào ngân hàng là bao nhiêu trong năm qua ?

- A. 12 triệu đồng B. 12% C. 1,12 D. không biết

Câu hỏi 2 : Giá bán gạo hiện tại là 20000 đồng/kg, bạn có 1 triệu đồng và mức lạm phát là 5%/năm, bạn có thể mua được bao nhiêu kg gạo sau 1 năm ?

- A. Đúng bằng 50kg B. Nhiều hơn 50 kg C. Ít hơn 50 kg D. không biết

Câu hỏi 3 : Bạn Lộc nhận được khoản thừa kế 10 tỷ đồng ngày hôm nay, bạn Phát nhận được khoản thừa kế 10 tỷ đồng sau 2 năm nữa. Theo bạn, sau 5 năm, ai giàu có hơn (có nhiều tiền thừa kế hơn) ?

- A. Mức độ giàu có của hai người là như nhau
B. Lộc sẽ giàu hơn Phát vì nhận được tiền sớm hơn
C. Phát sẽ giàu hơn Lộc vì nhận được tiền muộn hơn
D. Không biết

Câu hỏi 4 : Bạn mua cổ phiếu ABC với mức giá 50000 đồng/1 cổ phiếu, 1 tuần sau bạn bán cổ phiếu này với mức giá 60000 đồng/1 cổ phiếu. Vậy mức tỷ suất sinh lời bạn nhận được từ cổ phiếu ABC trong tuần qua là bao nhiêu ?

- A. 10000 đồng B. 11,667% C. 20% D. không biết

Câu hỏi 5 : Bạn mua trái phiếu chính phủ kỳ hạn 5 năm có mệnh giá là 1 triệu đồng và mức lãi suất danh nghĩa là 10%/năm, trả lãi định kỳ hàng năm. Số tiền lãi bạn nhận được mỗi năm từ trái phiếu này là bao nhiêu ?

- A. Bằng 100000 đồng B. Thấp hơn 100000 đồng
C. Cao hơn 100000 đồng D. không biết

Câu hỏi 6 : Nhận định nào sau đây là đúng khi nói về chứng chỉ quỹ đầu tư ?

- A. Chứng chỉ quỹ là chứng khoán nợ xác nhận số tiền mà bạn cho một doanh nghiệp nào đó vay

- B. Chúng chỉ quỹ xác nhận quyền sở hữu của bạn đối với phần vốn góp của quỹ đại chúng
- C. Chúng chỉ quỹ là phương tiện huy động vốn của mọi loại hình doanh nghiệp khi thiếu vốn
- D. Không biết

Câu hỏi 7 : Nhận định nào sau đây là đúng khi nói về thẻ tín dụng ?

- A. Sử dụng thẻ tín dụng là miễn phí
- B. Lãi suất thẻ tín dụng thấp hơn lãi suất tiền vay trung bình trên thị trường
- C. Thẻ tín dụng cho phép bạn mua hàng trước và thanh toán sau cho ngân hàng
- D. Không biết

Câu hỏi 8 : Khi thực hiện hoạt động đầu tư, nếu nhà đầu tư “không bỏ trứng vào một giỏ” thì nguy cơ mất toàn bộ số tiền đầu tư sẽ

- A. Không thay đổi B. Tăng lên C. Giảm xuống D. không biết

Câu hỏi 9 : Nhận định nào sau đây là đúng nhất khi nói về bảo hiểm nhân thọ ?

- A. Nếu mua bảo hiểm nhân thọ, bạn sẽ chỉ nhận số tiền bảo hiểm khi bạn chết đi
- B. Đối tượng bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là con người (bao gồm tuổi thọ, sinh mạng, rủi ro sức khỏe của con người)
- C. Bảo hiểm sức khỏe và tai nạn con người là một loại nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ
- D. Không biết

Câu hỏi 10 : Chứng khoán nào sau đây có mức sinh lời cao nhất trong điều kiện thị trường hoạt động không bình thường?

- A. Cổ phiếu B. Trái phiếu doanh nghiệp kỳ hạn 3 năm
- C. Trái phiếu doanh nghiệp kỳ hạn 5 năm D. Không biết

Câu hỏi 11 : Giả sử bạn đang lập kế hoạch tiết kiệm để chuẩn bị cho giai đoạn về hưu. Nếu bạn về hưu năm 60 tuổi, dự kiến sống đến 80 tuổi, mỗi năm bạn chi tiêu 20 triệu đồng. Vậy thì từ năm 30 tuổi, mỗi năm bạn phải gửi vào ngân hàng bao nhiêu tiền? Giả định lãi suất tiền gửi bình quân được duy trì ở mức 8%/năm trong dài hạn.

- A. 1,6 triệu đồng B. 1,73 triệu đồng C. 1,8 triệu đồng D. không biết

Câu hỏi 12 : Tôi chi tiêu hết thu nhập để hài lòng hiện tại, không quan tâm đến tương lai

- A. Rất không đồng ý B. Không đồng ý C. Bình thường
- D. Đồng ý E. Hoàn toàn đồng ý

Câu hỏi 13 : Ngay từ bây giờ, tôi muốn dành phần thu nhập để đầu tư, giúp tăng thu nhập trong tương lai

- A. Rất không đồng ý B. Không đồng ý C. Bình thường

D. Đồng ý E. Hoàn toàn đồng ý

Câu hỏi 14 : Tôi đã chuẩn bị cho rủi ro hoặc các chi tiêu đột xuất bằng cách tiết kiệm hoặc đầu tư

A. Rất không đồng ý B. Không đồng ý C. Bình thường

D. Đồng ý E. Hoàn toàn đồng ý

Câu hỏi 15 : Tôi sẵn sàng sẽ dành thêm thời gian để cải thiện hiểu biết tài chính cá nhân của mình

A. Rất không đồng ý B. Không đồng ý C. Bình thường

D. Đồng ý E. Hoàn toàn đồng ý